

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311102 - K t ấ n th c ấ ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011034	36CKT2	H L ² Ng c An	16/05/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
2	3673010454	36CKT2	Nguy n Th Ng c ấ nh	14/06/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
3	3673011620	36CKT2	Nguy n Ng c Bích	28/12/1994				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
4	3673010420	36CKT2	Nguy n Th B ấ ch Chi	1994				8.0			8.0	2.4	3.8	2.7	5.1	
5	3673011861	36CKT2	Huu nh Th M Dung	15/04/1994				8.0			8.0	2.4	8.3	5.8	8.2	
6	3673011002	36CKT2	Tr n Th M Dung	25/04/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
7	3673011255	36CKT2	Tr n Th Ng c Dung	21/10/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
8	3673010414	36CKT2	Tr n Th Th ấ y D ng	01/11/1994				7.0			7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
9	3673010554	36CKT2	Nguy n Ph c Gi i	09/11/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
10	3673010835	36CKT2	L ² Th Thu H ng	23/05/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
11	3673011045	36CKT2	VH ấ ấ H u	30/06/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
12	3673011898	36CKT2	Nguy n Th Thu Hi n	27/07/1992							0.0	0.0	0	0.0		N HP
13	3673011284	36CKT2	VH ấ Th Hi n	16/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
14	3673010673	36CKT2	Tr n Minh Hi u	05/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
15	3673011304	36CKT2	Nguy n Qu c Ho ấ	30/07/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
16	3673011289	36CKT2	Ph m Th Ho ấ	28/10/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
17	3673010450	36CKT2	Nguy n Th H ng	02/03/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
18	3673010915	36CKT2	L ng Th Kim Huy n	17/07/1994				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
19	3673011617	36CKT2	Ti n Minh H ầ ng	20/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167311102 - K t ấ n th c ấ ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673010883	36CKT2	Tr n M	Kim	16/06/1994				8.0			8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
21	3673011996	36CKT2	Xu ấ n Th ấ y	Kim	21/08/1994				9.0			9.0	2.7	5.3	3.7	6.4	
22	3673010561	36CKT2	Qu ấ ch Th	L ấ ng	01/12/1993				7.0			7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
23	3673011022	36CKT2	Tr n Th Ly	Na	07/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
24	3673010979	36CKT2	Tr n Th Nh	Ng c	10/07/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
25	3673011517	36CKT2	Nguy n Th Th o	Nguy ấ n	10/09/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
26	3673010737	36CKT2	D ấ ng B u	Nguy t	08/07/1994				9.0			9.0	2.7	2.3	1.6	4.3	
27	3673010699	36CKT2	ấ o ấ n Th Thanh	Nguy t	18/03/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
28	3673010771	36CKT2	Nguy n Th ấ y	Nhi	05/11/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
29	3673010778	36CKT2	B ấ i Th Ph ấ ng	Nhung	01/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
30	3673010410	36CKT2	L c Gia	Ph i	02/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
31	3673010741	36CKT2	Ph m Thanh	Quy ấ n	17/02/1994				7.0			7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
32	3673011624	36CKT2	Nguy n Th M ấ nh	Quy ấ	17/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
33	3673010707	36CKT2	Nguy n V ấ Nh	Sang	26/06/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
34	3673010949	36CKT2	Tr n M ấ nh	T ấ n	01/03/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
35	3673011623	36CKT2	Nguy n Th ấ Nh	Tuy t	19/06/1994				9.0			9.0	2.7	2.3	1.6	4.3	N HP
36	3673010935	36CKT2	L ấ M ấ nh	Tú	07/09/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
37	3673010966	36CKT2	Tr ấ ng Th	Thu	15/09/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
38	3673010844	36CKT2	Mai Th Ng c	Thu	19/02/1992							0.0	0.0	0	0.0		N HP

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 122167311102 - K t o ã n th c ã ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673010608	36CKT2	Tr ng Th	Thu	10/08/1993				9.0			9.0	2.7	2.8	2.0	4.7	
40	3673011681	36CKT2	V ¹ / ₂ Th	Thu	23/02/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
41	3673010599	36CKT2	V ¹ / ₂ Th Thanh	Thuý	19/09/1994				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
42	3673010931	36CKT2	Ph m Th Thu	Trang	20/12/1993				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
43	3673011586	36CKT2	L ² Th Huy n	Trâm	30/07/1994				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
44	3673010517	36CKT2	ñ Minh	Trí	17/10/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
45	3673010998	36CKT2	Tr n Th Thanh	Trúc	09/11/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
46	3673011840	36CKT2	Nguy n Kim	Xinh	01/01/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
47	3673010695	36CKT2	Nguy n Th Ho ã ng	Y n	06/01/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	

T ng s : 47 h c sinh sinh vi² n
Tr ng Khoa Gi o Vi² n B M ã n Tp.HCM, ngày / /
Gi o V Khoa